

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 123/2018/DS-ST

Ngày: 26/02/2018

V/v tranh chấp đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Tình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tiến Dũng
2. Ông Nguyễn Thành Vinh

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hoa, Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Tuyết Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 472/2017/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2017 về việc “Tranh chấp đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2018/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2018/QĐST-DS ngày 30 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân H, sinh năm 1987 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm A, xã B, huyện D, tỉnh N.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Hoàng P, sinh năm 1989 (Vắng mặt).

Địa chỉ: A đường B, khu phố C, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/9/2017, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Xuân H trình bày:

Vào tháng 6 năm 2016 qua giới thiệu của người cháu tên Phạm Văn L là du học sinh tại Nhật Bản, ông H được biết đến bà Trần Thị Hoàng P là giám đốc Công ty TNHH Y, có làm dịch vụ đưa người Việt Nam đi lao động ở nước ngoài, ông H đã tin tưởng và nhờ mẹ của Phạm Văn L chuyển cho bà P hai lần tiền với tổng số tiền là 123.700.000 đồng, để bà P làm thủ tục đưa ông H qua Nhật Bản làm việc; nhưng bà P không thực hiện được, ông H đòi lại số tiền trên thì mẹ bà P đã trả lại cho ông H được 40.000.000 đồng, còn lại 83.700.000 đồng hứa sẽ trả đủ trong vòng một tháng, nhưng không thực hiện và ông H không còn liên lạc được với bà P.

Ngày 27/3/2017 ông H có đơn tố giác bà P là giám đốc Công ty TNHH Y có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông H số tiền là 123.700.000 đồng.

Ngày 28/8/2017 ông H nhận được thông báo số 3410 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H về thông báo kết quả giải quyết đơn tố giác, tin báo về tội phạm hoặc kiến nghị khởi tố. Kết luận hành vi của bà Trần Thị Hoàng P và những người có

đơn tố cáo là quan hệ dân sự, không có dấu hiệu tội phạm. Vì vậy ông H khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét giải quyết:

Buộc bà Trần Thị Hoàng P phải có trách nhiệm trả cho ông H số tiền còn thiếu chưa trả là 83.700.000 đồng. Ngoài ra ông H không có yêu cầu gì khác, số tiền ông H gửi cho bà P là của riêng của ông H không liên quan đến người khác.

Bị đơn bà Trần Thị Hoàng P: Từ khi thụ lý hồ sơ vụ án Tòa án nhân dân quận Thủ Đức đã tiến hành triệu tập bà P đến tòa để giải quyết việc kiện của ông H nhưng bà P không đến; Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà P theo quy định của pháp luật, nhưng bà P vẫn vắng mặt tại tòa mà không có lý do, nên mở phiên tòa xét xử vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và diễn biến tại phiên tòa đã được Tòa án nhân dân quận Thủ Đức và Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng quy trình thủ tục theo quy định của pháp luật; về thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự, nguyên đơn chấp hành các quyền và nghĩa vụ của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm có: Giấy nộp tiền vào Agriank ngày 10/5/2016, Thông báo số 3410 ngày 28/8/2018.

Những tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh: Ông H đã chuyển cho bà P số tiền là 123.700.000 đồng và nhận lại được 40.000.000 đồng từ mẹ của bà P, còn lại 83.700.000 đồng ông H chưa nhận lại được.

Các nội dung đương sự đã thỏa thuận thống nhất được và không thống nhất được: Do bà P vắng mặt nên các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

{1}. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà Trần Thị Hoàng P cư trú tại địa chỉ số A đường B, khu phố C, phường T, quận T; nên thẩm quyền giải quyết vụ án này theo trình tự thủ tục sơ thẩm là Tòa án nhân dân quận Thủ Đức; được pháp luật quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

{2}. Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 05/9/2017 và các tài liệu, chứng cứ kèm theo của nguyên đơn, thì vụ án có quan hệ tranh chấp là Tranh chấp về hợp đồng dân sự về đòi tài sản được pháp luật quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 256 Bộ luật dân sự 2005.

{3}. Về thủ tục tố tụng:

{3.1}. Nguyên đơn ông Nguyễn Xuân H có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điểm a Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

{3.2}. Bị đơn bà Trần Thị Hoàng P, sau khi thụ lý Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án số 472/TB-TLVA ngày 18/10/2017 cho bà P nhưng hết thời hạn được quy định tại Điều 174 và Điều 175 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 bà P không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Tòa án tiếp tục

triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải cho bà P vào ngày 11/12/2017 và 05/01/2018, nhưng bà P vẫn vắng mặt tại tòa mà không có lý do chính đáng; Tòa án tiến hành lập biên bản về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ mà không hòa giải và thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ cho bà P biết theo quy định tại Khoản 1 Điều 207, Khoản 2 Điều 208 và Khoản 3 Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; đồng thời triệu tập bà P tham gia phiên tòa vào lúc 8 giờ 30 phút, ngày 30/01/2018 nhưng bà P vẫn không đến tòa tham gia xét xử vụ án. Hội đồng xét xử sau khi thảo luận đã quyết định hoãn phiên tòa và mở lại phiên tòa vào ngày hôm nay (26/02/2018), nhưng bà P vẫn vắng mặt tại tòa mà không có lý do chính đáng; nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà P là phù hợp, được pháp luật quy định tại Điều 227 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

{4}. Về yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn. Hội đồng xét xử nhận định: Căn cứ vào thông báo số 3410 ngày 28/8/2017 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H, có nội dung... “Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra nhận thấy: Trần Thị Hoàng P – giám đốc Công ty TNHH Y có hành vi nhận làm dịch vụ đưa người Việt Nam đi lao động ở nước ngoài, mặc dù Công ty TNHH Y không đủ điều kiện (do chưa có giấy phép theo quy định) nhưng Hoàng P vẫn ký giấy cam kết tư vấn giới thiệu kết nối việc làm với ông Nguyễn Xuân H nhận số tiền 123.700.000 đồng, để tư vấn làm thủ tục đưa ông H sang Nhật lao động, sau đó bà P không thực hiện được và cũng không trả lại tiền theo cam kết...”, ... “Hành vi của Hoàng P có dấu hiệu của tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, ngày 06/7/2017 Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an Thành phố H đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, Quyết định khởi tố bị can và ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Trần Thị Hoàng P về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” do Hoàng P đang mang thai và chuyển hồ sơ sang Viện kiểm sát nhân dân TP. H đề nghị phê chuẩn. Ngày 03/8/2017 Viện kiểm sát nhân dân TP. H đã ra Quyết định hủy bỏ Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 06 và Quyết định hủy bỏ Quyết định khởi tố bị can số 43 đối với Trần Thị Hoàng P với lý do không có dấu hiệu tội phạm, việc làm của bà P là quan hệ dân sự...”.

Như vậy, việc ông H đã chuyển cho bà P số tiền 123.700.000 đồng, để bà P tư vấn làm thủ tục đưa ông H sang Nhật lao động là có thật, sự việc không thành ông H liên hệ với bà P để đòi lại số tiền trên, thì mẹ của bà P trả lại cho ông H được số tiền là 40.000.000 đồng, còn lại 83.700.000 đồng không thực hiện, kéo dài thời gian làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông H.

Tại bản tự khai ngày 11/12/2017 ông H xác định lại yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu bà P trả lại số tiền còn thiếu là 83.700.000 đồng, ngoài ra ông H không có yêu cầu gì khác là phù hợp với Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

Từ những nhận định và phân tích nêu trên. Căn cứ vào Điều 256 của Bộ luật dân sự năm 2005 thì việc ông H đòi lại số tiền 83.700.000 đồng từ bà P là có căn cứ, được chấp nhận.

{5}. Về án phí dân sự sơ thẩm: 4.185.000 đồng bà P phải chịu, được pháp luật quy định tại Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 255 và Điều 256 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân H

Buộc bà Trần Thị Hoàng P phải có trách nhiệm trả lại cho ông Nguyễn Xuân H số tiền là 83.700.000 (Tám mươi ba triệu bảy trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án, có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu Thi hành án của người được Thi hành án cho đến khi Thi hành án xong tất cả khoản tiền, hàng tháng bên phải Thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải Thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 4.185.000 (Bốn triệu một trăm tám mươi lăm nghìn) đồng bà Trần Thị Hoàng P phải chịu. Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Xuân H số tiền tạm ứng án phí là 3.467.500 (Ba triệu bốn trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm) đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0037299 ngày 18/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

3.1. Quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Xuân H; bà Trần Thị Hoàng P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

3.2. Quyền kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

4. Quyền yêu cầu Thi hành án: “Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. HCM; (1)
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM; (1)
- Viện kiểm sát nhân dân Q. Thủ Đức; (1)
- CC Thi hành án dân sự Q. Thủ Đức; (1)
- Các đương sự; (2)
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP. (3)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Công Tình

